

Bản án số: 952/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10/12/2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Khê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Quý

2. Ông Hoàng Mạnh Cường

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận T tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 561/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 252/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Châu Thị Diễm P, sinh năm: 1988 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Chợ, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng

Bị đơn: Ông Nguyễn Đức K, sinh năm: 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: 44 Trần Hưng Đạo, khu phố 2, phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Châu Thị Diễm P trình bày:

Bà và ông Nguyễn Đức K sống với nhau từ năm 2012 và đã được Ủy ban nhân dân phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 69, quyền số 01/2012 ngày 19/5/2012.

Sau ngày cưới Bà và ông Nguyễn Đức K sống chung tại Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian chung sống lúc đầu hạnh phúc về sau không hạnh phúc do tính tình hai vợ chồng trái ngược nhau nên thường dẫn đến gây gổ. Ông

Kiên không có trách nhiệm với vợ con, hiện ông đang bị nhiễm HIV. Bà và ông Nguyễn Đức K đã ly thân từ 2012 đến nay.

Hiện nay tình cảm giữa Bà với ông Nguyễn Đức K đã rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà đã cố gắng hết sức nhưng không thể hàn gắn đoàn tụ được, Bà xin dứt khoát ly hôn với Ông Nguyễn Đức K. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phúc Minh C, sinh ngày 22/12/2012, Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Phúc Minh C và không yêu cầu Ông Nguyễn Đức K cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Châu Thị Diễm P xin vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Đức K vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận T phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng, xác minh, thu thập chứng cứ, cấp, tổng đạt văn bản tố tụng, thời hạn tố tụng. Về nội dung, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Châu Thị Diễm P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Đức K và bà Châu Thị Diễm P tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn (số 69, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/5/2012). Nay bà Châu Thị Diễm P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đức K, yêu cầu nuôi con chung nên đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bà Châu Thị Diễm P và ông Nguyễn Đức K đều có quốc tịch Việt Nam. Kết quả xác minh tại Công an phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xác định bị đơn là ông Nguyễn Đức K có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại địa chỉ 44 đường Trần Hưng Đạo, Khu phố 2, phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn xác định Bà và ông Nguyễn Đức K không còn hạnh phúc do tính tình vợ chồng trái ngược nhau nên thường dẫn đến gây gổ. Nay Bà yêu cầu Tòa án chấp nhận cho Bà được ly hôn với ông Nguyễn Đức K.

Bị đơn ông Nguyễn Đức K đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý, Giấy

triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhưng ông Nguyễn Đức K vắng mặt, không tham dự các buổi hòa giải, làm việc, công khai chứng cứ cũng như không tham dự phiên tòa.

Hội đồng xét xử nhận thấy giữa bà Châu Thị Diễm P và ông Nguyễn Đức K chung sống với nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 69, quyển số 01/2012 ngày 19/5/2012 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Giữa bà Châu Thị Diễm P và ông Nguyễn Đức K trên thực tế đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Bà Châu Thị Diễm P và ông Nguyễn Đức K do tính cách không hợp nhau dẫn tới thường xuyên cãi vã, gây gổ làm cho cuộc sống hôn nhân mất hạnh phúc. Bị đơn, ông Nguyễn Đức K đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến Tòa án để tham dự các buổi hòa giải, làm việc cũng như dự phiên tòa hôm nay nhưng ông Nguyễn Đức K không đến, thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến cuộc sống hôn nhân với bà Châu Thị Diễm P. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà Châu Thị Diễm P và ông Nguyễn Đức K đã rạn nứt không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn.

- Về con chung: nguyên đơn xác định Bà và ông Nguyễn Đức K có 01 con chung tên Nguyễn Phúc Minh C, sinh ngày 22/12/2012. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Phúc Minh C và không yêu cầu Ông Nguyễn Đức K cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy từ khi bà Châu Thị Diễm P và ông Nguyễn Đức K xảy ra mâu thuẫn đến nay thì trẻ Nguyễn Phúc Minh C do bà Châu Thị Diễm P trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải thay đổi môi trường sống hiện tại của trẻ Nguyễn Phúc Minh C nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung tên Nguyễn Phúc Minh C cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về mức cấp dưỡng: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung; bị đơn không có yêu cầu phản tố về phần tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 do Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Châu Thị Diễm P với ông Nguyễn Đức K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 69, quyền số 01/2012 ngày 19/5/2012 do Ủy ban nhân dân phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Đức K và bà Châu Thị Diễm P không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: giao 01 con chung tên Nguyễn Phúc Minh C, sinh ngày 22/12/2012 cho bà Châu Thị Diễm P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Đức K không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom, chăm sóc con chung để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Châu Thị Diễm P chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Châu Thị Diễm P đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0009834 ngày 31/5/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận T. Bà Châu Thị Diễm P đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSNDQ9;
- THADSQ9
- *Đương sự*
- *Lưu*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Xuân Khê